

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
SÓC TRĂNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 31
8. Phụ lục 01	32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định 1504/QĐ.UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 31 tháng 5 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại : 0299 3 820 943
- Fax : 0299 3 821 278

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng – Xí nghiệp sản xuất nước đóng chai Sotraco	Đường D4. KCN An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp sửa chữa	Đường D4. KCN An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp nước Trần Đề	Áp Giồng Giữa, thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Ngã Năm	Đường Mai Thanh Thế, thị trấn Ngã Năm, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Long Phú	Áp 3, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Vĩnh Châu	Đường 30/4, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Đại Ngãi	908 ấp Ngãi Hội 1, thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Mỹ Xuyên	141 Lê Lợi, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Kế Sách	Đường Phạm Văn Hùng, ấp An Thành, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Phú Lợi	180 Phú Lợi, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Nguyễn Chí Thanh	16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Mỹ Tú	Áp Cầu Đồn, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Thạnh Trị	Đường Nguyễn Huệ, ấp 3, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sản xuất nước uống đóng chai.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Anh Hòa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Quang Mãi	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Trần Anh Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Đặng Văn Ngộ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Ong Hải Phước	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Trọng Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Dương Ngô Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoài Bảo Khánh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2024
Ông Vũ Tiến Bộ	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Trọng Kiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Trần Thanh Nhân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Minh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đặng Văn Ngộ	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Quang Mãi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2018
Ông Ong Hải Phước	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2018
Ông Trần Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Anh Hòa	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Đặng Văn Ngộ	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2023

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đặng Văn Ngo
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Số: 4.0231/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỖ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nguyễn Quốc Ngữ****Thành viên Ban Giám đốc****Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3089-2020-008-1****Người được ủy quyền****TP. Cần Thơ, ngày 13 tháng 8 năm 2024**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		206.616.936.343	163.988.048.915
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.088.020.226	7.527.273.911
1. Tiền	111		12.088.020.226	7.527.273.911
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		160.000.000.000	127.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	160.000.000.000	127.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.558.779.687	18.843.254.305
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	12.381.234.992	11.791.309.141
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.727.446.867	4.367.450.084
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.651.940.793	3.886.338.045
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.201.842.965)	(1.201.842.965)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		11.970.136.430	10.616.805.526
1. Hàng tồn kho	141	V.7	11.970.136.430	10.616.805.526
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	715.173
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	715.173
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87.793.603.143	109.177.685.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		74.765.624.088	83.195.687.144
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	74.765.624.088	83.195.687.144
- Nguyên giá	222		501.643.868.832	499.156.284.513
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(426.878.244.744)	(415.960.597.369)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		813.049.807	804.681.577
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	813.049.807	804.681.577
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.064.000.000	25.064.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	12.064.000.000	12.064.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	13.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		150.929.248	113.316.688
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	150.929.248	113.316.688
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		294.410.539.486	273.165.734.324

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		28.874.707.090	33.558.300.251
I. Nợ ngắn hạn	310		28.011.517.720	32.687.110.881
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	5.943.949.003	9.759.639.785
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	56.794.486	186.975.451
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.979.925.025	2.927.561.906
4. Phải trả người lao động	314	V.14	4.873.555.315	13.193.303.878
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	6.863.404.171	6.619.251.187
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	4.293.889.720	378.674
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		863.189.370	871.189.370
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	863.189.370	871.189.370
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		265.535.832.396	239.607.434.073
I. Vốn chủ sở hữu	410		265.535.832.396	239.607.434.073
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17a	158.631.330.000	158.631.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		158.631.330.000	158.631.330.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17a	9.142.352.055	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17a	97.762.150.341	80.976.104.073
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		65.365.073.156	80.976.104.073
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		32.397.077.185	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		294.410.539.486	273.165.734.324

Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập



Sóc Trăng, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	111.466.012.975	106.927.040.901
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		111.466.012.975	106.927.040.901
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	50.766.014.490	50.269.635.445
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.699.998.485	56.657.405.456
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	527.388.662	2.472.222.111
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	11.972.558.621	11.062.379.005
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	13.431.010.928	10.838.306.562
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.823.817.598	37.228.942.000
11. Thu nhập khác	31	VI.6	742.605.773	662.681.858
12. Chi phí khác	32	VI.7	300.213.373	145.670.514
13. Lợi nhuận khác	40		442.392.400	517.011.344
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.266.209.998	37.745.953.344
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	3.869.132.813	4.168.378.745
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.397.077.185	33.577.574.599
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	2.042	2.117
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a	2.042	2.117

Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập

Sóc Trăng, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		128.274.761.714	122.091.797.035
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(39.210.429.825)	(38.277.663.784)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.027.004.043)	(24.790.171.914)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(946.882.623)	(3.535.785.831)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.460.904.759	2.329.034.179
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(33.060.471.612)	(28.398.621.861)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.490.878.370	29.418.587.824
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.598.587.492)	(6.312.289.907)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(43.000.000.000)	(110.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		23.000.000.000	72.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	668.455.437	2.456.244.083
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25.930.132.055)	(41.856.045.824)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		4.560.746.315	(12.437.458.000)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.527.273.911	23.184.959.554
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	12.088.020.226	10.747.501.554

Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập



Sóc Trăng, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sản xuất nước uống đóng chai.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng có trụ sở chính tại đường D4, khu công nghiệp An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, xử lý và cung cấp nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng – Xí nghiệp sản xuất nước đóng chai Sotraco tại địa chỉ đường D4, Khu công nghiệp An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 287 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 289 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính giữa niên độ của toàn Công ty lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu chỉ có chi phí công cụ, dụng cụ. Chi phí trả trước này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	05 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	03 - 05

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp nước sạch

Doanh thu cung cấp nước sạch được ghi nhận vào từng kỳ (mỗi tháng) dựa trên khối lượng nước (m³) mà khách hàng đã tiêu dùng (chỉ số đồng hồ nước cuối kỳ trừ chỉ số đồng hồ nước đầu kỳ) nhân với đơn giá nước định mức lũy tiến đối với hộ dân cư, đối với các khách hàng còn lại áp dụng đơn giá cố định được công ty công bố theo từng thời điểm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.378.916.995	3.556.847.378
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.709.103.231	3.970.426.533
Cộng	12.088.020.226	7.527.273.911

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	160.000.000.000	160.000.000.000	127.000.000.000	127.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	160.000.000.000	160.000.000.000	127.000.000.000	127.000.000.000
Dài hạn	-	-	13.000.000.000	13.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	13.000.000.000	13.000.000.000
Cộng	160.000.000.000	160.000.000.000	140.000.000.000	140.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 18 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Sóc Trăng, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Cần Thơ - Phòng Giao dịch Bình Thủy và Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sóc Trăng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng ⁽ⁱ⁾	12.064.000.000	-	12.064.000.000	-
Cộng	12.064.000.000	-	12.064.000.000	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200680885 lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 7 tháng 4 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng 12.064.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 12.064.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ (số đầu năm là 12.064.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng là công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua nước sạch	8.294.673.234	8.087.326.632
Mua điện	9.940.292	74.276.115
Bán nước đóng chai	527.778	736.363

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	110.000	110.000
Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng	110.000	110.000
Phải thu các khách hàng khác	12.381.124.992	11.791.199.141
Phải thu khách hàng tiền nước sạch	10.090.190.788	9.555.612.937
Phải thu khách hàng tiền lắp đặt	1.974.082.704	1.951.542.704
Phải thu khách hàng tiền nước đóng chai	316.851.500	284.043.500
Cộng	12.381.234.992	11.791.309.141

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Minh Thành Group	5.690.533.250	3.414.319.950
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Sóc Trăng	1.008.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.028.913.617	953.130.134
Cộng	7.727.446.867	4.367.450.084

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.321.052.055	-	3.468.865.754	-
Thuế thu nhập cá nhân phải thu của người lao động	-	-	84.324.653	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	330.888.738	-	333.147.638	-
Cộng	3.651.940.793	-	3.886.338.045	-

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Kỹ thuật Mặt Trời Đỏ - Phải thu tiền bán hàng	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	313.409.300	152.235.150	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	313.409.300	152.235.150
Ban Quản lý Dự án khắc phục sạt lở bờ sông trên địa bàn huyện Kế Sách - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	8.463.000	-	Trên 3 năm	8.463.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Sóc Trăng - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	102.572.474	-	Trên 3 năm	102.572.474	-
Công ty Cổ phần Hà Đô 1 - Phải thu tiền bán hàng	Từ 2 năm đến trên 3 năm	384.571.700	15.485.850	Từ 2 năm đến trên 3 năm	384.571.700	15.485.850
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Hùng Vương - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	94.239.500	-	Trên 3 năm	94.239.500	-
Phải thu các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	941.080.291	474.772.300	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	941.080.291	474.772.300
Cộng		1.844.336.265	642.493.300		1.844.336.265	642.493.300

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.201.842.965	653.045.929
Số cuối kỳ	1.201.842.965	653.045.929

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.815.607.167	-	10.450.293.898	-
Công cụ, dụng cụ	146.466.078	-	145.687.761	-
Thành phẩm	8.063.185	-	20.823.867	-
Cộng	11.970.136.430	-	10.616.805.526	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng giảm tài sản cố định trong kỳ xem tại Phụ lục đính kèm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Công trình hệ thống cấp nước thị trấn Mỹ Xuyên	-	714.171.657	(714.171.657)	-
- Công trình hệ thống cấp nước thị trấn Kế Sách	-	973.072.541	(973.072.541)	-
- Công trình hệ thống cấp nước thành phố Sóc Trăng		800.340.121	(800.340.121)	-
- Các công trình khác	804.681.577	8.368.230	-	813.049.807
Cộng	804.681.577	2.495.952.549	(2.487.584.319)	813.049.807

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.433.586.460	1.507.318.450
Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng	1.433.586.460	1.467.512.530
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	-	39.805.920
Phải trả các nhà cung cấp khác	4.510.362.543	8.252.321.335
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cầu đường Việt Nam	1.288.305.429	3.883.960.429
Công ty TNHH Tài nguyên nước và Khảo sát địa chất miền Tây	633.442.761	89.094.417
Công ty Cổ phần Nhựa thiếu niên Tiền phong phía Nam	614.809.693	-
Các nhà cung cấp khác	1.973.804.660	4.279.266.489
Cộng	5.943.949.003	9.759.639.785

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hồng Phát	-	56.845.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dầu khí Cửu Long	26.715.770	83.658.366
Công ty Cổ phần Đầu tư Đông Đô	22.698.400	-
Các khách hàng khác	7.380.316	46.472.085
Cộng	56.794.486	186.975.451

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	320.317.167	-	3.349.294.085	(3.159.918.132)	509.693.120	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	883.435.970	715.173	3.869.132.813	(946.882.623)	3.804.970.987	-
Thuế thu nhập cá nhân	84.324.653	-	376.791.056	(426.947.687)	34.168.022	-
Thuế tài nguyên	839.563.057	-	5.089.980.438	(5.105.015.969)	824.527.526	-
Phí bảo vệ môi trường	799.921.059	-	5.181.359.522	(5.174.715.211)	806.565.370	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	18.000.000	(18.000.000)	-	-
Cộng	2.927.561.906	715.173	17.884.557.914	(14.831.479.622)	5.979.925.025	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Nước sinh hoạt	5%
Dịch vụ lắp đặt, bán nước đóng chai	10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty xác định thuộc đối tượng hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, đáp ứng tiêu chí về cơ sở xã hội hóa theo Quyết định năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ đã sửa đổi khoản 3, Điều 19 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh nước sạch.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.266.209.998	37.745.953.344
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	479.274.103	538.822.064
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu/tính thuế	36.745.484.101	38.284.775.408

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	7.349.096.822	7.656.955.081
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(3.479.964.009)	(3.488.576.336)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.869.132.813	4.168.378.745

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm và nước mặt dựa vào sản lượng nước khai thác hàng tháng với giá tính thuế 9.156 VND/m³ với mức thuế suất lần lượt là 5% và 1%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của một m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả người lao động.

15. Phải trả khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	21.275.847	-
Phí bảo vệ môi trường giữ lại	231.878.337	-
Tiền quỹ bảo vệ và phát triển rừng	311.103.260	290.729.660
Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng - Thu hộ phí bảo vệ môi trường	776.172.800	805.547.600
Tiền viện trợ từ dự án biến đổi khí hậu của Công ty Cổ phần Hà Lan	1.868.640.230	1.868.640.230
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.654.333.697	3.654.333.697
Cộng	6.863.404.171	6.619.251.187

15b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	-	1.780.440.211	(1.612.547.000)	167.893.211
Quỹ phúc lợi	378.674	4.165.617.835	(40.000.000)	4.125.996.509
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	522.620.816	(522.620.816)	-
Cộng	378.674	6.468.678.862	(2.175.167.816)	4.293.889.720

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	158.631.330.000	-	30.474.517.109	189.105.847.109
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	33.577.574.599	33.577.574.599
Số dư cuối kỳ trước	158.631.330.000	-	64.052.091.708	222.683.421.708
Số dư đầu năm nay	158.631.330.000	-	80.976.104.073	239.607.434.073
Lợi nhuận trong kỳ nay	-	-	32.397.077.185	32.397.077.185
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	9.142.352.055	(15.611.030.917)	(6.468.678.862)
Số dư cuối kỳ này	158.631.330.000	9.142.352.055	97.762.150.341	265.535.832.396

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	77.729.350.000	77.729.350.000
Công ty Cổ phần VBIC Việt Nam	30.132.130.000	12.842.130.000
Bà Nghiêm Thị Lệ Hằng	38.071.520.000	38.071.520.000
Ông Nguyễn Minh Phương	8.091.010.000	25.381.010.000
Các cổ đông khác	4.607.320.000	4.607.320.000
Cộng	158.631.330.000	158.631.330.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)	
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	77.729.350.000	49	77.729.350.000
Các cổ đông khác	80.901.980.000	51	80.901.980.000
Cộng	158.631.330.000	100	158.631.330.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.863.133	15.863.133
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu phổ thông	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu phổ thông	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận các năm trước theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 như sau:

	VND
• Trích lập quỹ đầu tư phát triển	: 9.142.352.055
• Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 5.946.058.046
• Thưởng cho Ban Tổng Giám đốc và cán bộ chủ chốt	: 522.620.816

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Phải thu khách hàng - tiền lắp đặt	1.356.703.789	1.356.703.789	Không có khả năng thu hồi
Cộng	1.356.703.789	1.356.703.789	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	108.084.088.285	103.190.189.046
Doanh thu lắp đặt	1.224.382.116	1.877.080.217
Doanh thu nước đóng chai	2.157.042.136	1.855.010.456
Doanh thu khác	500.438	4.761.182
Cộng	111.466.012.975	106.927.040.901

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn nước sinh hoạt đã cung cấp	48.891.909.415	48.282.175.567
Giá vốn lắp đặt - bảo dưỡng	679.134.296	671.574.293
Giá vốn nước đóng chai	1.194.970.779	1.315.885.585
Cộng	<u>50.766.014.490</u>	<u>50.269.635.445</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.746.924	15.978.028
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	520.641.738	2.456.244.083
Cộng	<u>527.388.662</u>	<u>2.472.222.111</u>

4. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.875.489.010	4.325.933.255
Chi phí vật liệu, bao bì	4.755.864.749	4.606.748.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	99.829.224	94.382.895
Các chi phí khác	2.241.375.638	2.035.313.894
Cộng	<u>11.972.558.621</u>	<u>11.062.379.005</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.458.070.949	7.002.443.275
Chi phí vật liệu quản lý	1.124.835.077	1.183.753.709
Chi phí đồ dùng văn phòng	203.861.974	221.595.733
Chi phí khấu hao tài sản cố định	670.909.751	753.829.350
Thuế, phí và lệ phí	18.000.000	28.594.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.456.425	109.935.313
Các chi phí khác	3.840.876.752	1.538.154.979
Cộng	<u>13.431.010.928</u>	<u>10.838.306.562</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền công cúp, mở nước	114.326.549	82.654.015
Phí bảo vệ môi trường	575.706.614	548.862.675
Các khoản thu nhập khác	52.572.610	31.165.168
Cộng	742.605.773	662.681.858

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền nộp do nhận ký quỹ không đúng quy định	-	144.473.753
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội	-	1.196.761
Tiền phạt vi phạm hành chính	300.213.373	-
Cộng	300.213.373	145.670.514

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.397.077.185	33.577.574.599
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	32.397.077.185	33.577.574.599
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.863.133	15.863.133
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.042	2.117

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.578.028.068	27.568.886.811
Chi phí nhân công	22.574.386.185	20.340.750.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.917.647.375	12.358.246.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	951.683.749	2.047.934.056
Chi phí khác	13.147.838.662	9.854.503.686
Cộng	76.169.584.039	72.170.321.012

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan**
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. **Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**
Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này			
Ông Trần Anh Hòa - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	172.300.000	109.000.000	281.300.000
Ông Nguyễn Quang Mãi – Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	169.000.000	95.000.000	264.000.000
Ông Đặng Văn Ngộ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	198.000.000	108.000.000	306.000.000
Ông Ong Hải Phước - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	166.200.000	108.000.000	274.200.000
Ông Nguyễn Trọng Kiên - Thành viên Hội đồng quản trị, nguyên thành viên Ban kiểm soát	-	68.000.000	68.000.000
Ông Dương Ngô Hiệp - Thành viên Hội đồng quản trị	-	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hoài Bảo Khánh - Trưởng Ban kiểm soát	-	10.000.000	10.000.000
Ông Vũ Tiến Bộ - Nguyên Trưởng Ban kiểm soát	-	100.000.000	100.000.000
Ông Trần Thanh Nhân - Thành viên Ban Kiểm soát	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Minh Phương - Thành viên Ban kiểm soát	-	10.000.000	10.000.000
Cộng	705.500.000	686.000.000	1.391.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ trước

Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Chủ tịch Hội đồng quản trị	304.906.000	145.679.238	450.585.238
Ông Đặng Văn Ngọ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	297.180.000	138.011.910	435.191.910
Ông Trần Anh Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	249.751.200	138.011.910	387.763.110
Ông Nguyễn Quang Mãi - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	249.751.200	138.011.910	387.763.110
Ông Ong Hải Phước - Phó Tổng Giám đốc	249.751.200	-	249.751.200
Ông Phan Vĩnh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị	-	138.011.910	138.011.910
Ông Vũ Tiến Bộ - Trưởng Ban kiểm soát	-	190.163.221	190.163.221
Bà Liễu Thu Trúc - Thành viên Ban Kiểm soát	-	95.081.611	95.081.611
Ông Nguyễn Trọng Kiên - Thành viên Ban kiểm soát	-	84.118.607	84.118.607
Cộng	1.351.339.600	1.067.090.317	2.418.429.917

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.11.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là lĩnh vực cung cấp nước sinh hoạt. Doanh thu và giá vốn của lĩnh vực này được trình bày tại VI.1 và VI.2.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập



Sóc Trăng, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Đặng Văn Ngo
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	112.054.652.678	74.425.845.819	309.905.140.708	2.088.421.047	682.224.261	499.156.284.513
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	800.340.121	-	1.687.244.198	-	-	2.487.584.319
Số cuối kỳ	112.854.992.799	74.425.845.819	311.592.384.906	2.088.421.047	682.224.261	501.643.868.832
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	82.646.197.890	35.422.391.256	176.521.889.579	1.454.840.138	682.224.261	296.727.543.124
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	100.160.841.726	60.349.961.774	253.011.022.981	1.756.546.627	682.224.261	415.960.597.369
Khấu hao trong kỳ	1.782.703.189	2.404.105.518	6.687.893.818	42.944.850	-	10.917.647.375
Số cuối kỳ	101.943.544.915	62.754.067.292	259.698.916.799	1.799.491.477	682.224.261	426.878.244.744
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	11.893.810.952	14.075.884.045	56.894.117.727	331.874.420	-	83.195.687.144
Số cuối kỳ	10.911.447.884	11.671.778.527	51.893.468.107	288.929.570	-	74.765.624.088
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng/Người lập



Sóc Trăng, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc